



# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC, THỂ THAO NGOẠI KHÓA CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Lê Cát Nguyên, Lê Quang Dũng, Lê Trần Quang, Nguyễn Thế Tình, Hoàng Hải

Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế, 52 Hồ Đắc Di, Tp. Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Cát Nguyên <lcnguyen@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 24-01-2021; Ngày chấp nhận đăng: 11-03-2022)

**Tóm tắt:** Mục tiêu của nghiên cứu này là khảo sát thực trạng để làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa (TDTTNK) cho sinh viên (SV) Đại học Huế trong bối cảnh hiện nay. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 40 cán bộ (CB), giảng viên (GV) và 459 SV thuộc Đại học Huế. Số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0. Từ kết quả điều tra thực trạng, kết hợp với sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm và phương pháp phân tích ma trận SWOT, chúng tôi đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế gồm: Tăng cường công tác truyền thông, vận động SV tham gia hoạt động TDTTNK thường xuyên; Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, có kế hoạch tuyển dụng hợp lý để tăng cường nguồn nhân lực tổ chức hoạt động TDTTNK; Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục, thể thao (TDTT) để tăng cường cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ hoạt động TDTT tại Đại học Huế; Đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV; Xây dựng chế độ chính sách phù hợp cho CB, GV, SV khi tham gia hoạt động TDTTNK.

**Từ khóa:** thực trạng, giải pháp, thể dục thể thao ngoại khóa, sinh viên Đại học Huế.

---

# RESEARCH ON THE CURRENT REALITY OF HOLDING SPORT EXTRA-CURRICULAR ACTIVITIES FOR HUE UNIVERSITY STUDENTS AND PROPOSAL EFFECTIVE SOLUTIONS

Le Cat Nguyen, Le Quang Dung, Le Tran Quang, Nguyen The Tinh, Hoang Hai

Faculty of Physical Education, Hue University, 52 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

\* Correspondence to **Le Cat Nguyen** <lcnguyen@hueuni.edu.vn >

(Received: January 24, 2021; Accepted: March 11, 2022)

**Abstract:** The target of this research is to examine the actual situation and basing on which to propose more effective solutions to holding sport extra-curricular activities for Hue University students at the time being. Researched data were acquired from the result of a poll in which 40 officials, lecturers, and 459 students of Hue University took part. The data were analyzed by the statistic software SPSS 22.0. From the actual investigation, combined with the method of coral discussing and SWOT analyzing, we have proposed solutions to improve the efficiency of sport extra-curricular activities for Hue University students, including strengthening broadcast, motivating students to participate in sport activities more regularly, focusing on training and recruiting properly to enhance staff's ability in sport extra-curricular activities, mobilizing social resources for sport infrastructure in Hue University, diversifying the content and formula of sport extra-curricular activities, building reasonable financial policy for the officials, teachers and students when taking part in sport extra-curricular activities.

**Keywords:** current reality, solutions, sport extra-curricular activities, Hue University students

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động TDTTNK (còn gọi là hoạt động thể thao trong nhà trường) là hoạt động tự nguyện của người học được tổ chức theo phương thức ngoại khóa, phù hợp với sở thích, giới tính, lứa tuổi và sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học thực hiện quyền vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu thể thao (điều 20) [10]. Luật TDTT quy định nhà trường phải có trách nhiệm tổ chức cho người học tham gia các hoạt động TDTTNK (điều 22) [10]. Trong thời gian qua, Hội thể thao Đại học và Chuyên nghiệp (TTĐH&CN) Huế (*tổ chức được Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Huế giao phụ trách tổ chức các hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế*), các Hội TTĐH&CN cơ sở (còn gọi là Hội cơ sở) cùng với Khoa Giáo dục thể chất đã nỗ lực để tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV. Tuy nhiên, những khó khăn về điều kiện CSVC, ảnh hưởng tiêu

cực của dịch Covid-19, SV không tập trung học tập tại trường, các đơn vị thiếu cán bộ chuyên trách về lĩnh vực TDTT, điều kiện thời tiết khắc nghiệt... khiến việc tổ chức hoạt động TDTTNK tại Đại học Huế hiện nay chưa thực hiện tốt, cần được quan tâm nghiên cứu để có giải pháp khắc phục.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế trong giai đoạn từ khi dịch Covid-19 bùng phát tại Thừa Thiên Huế (02/2020) đến nay. Kết quả khảo sát là cơ sở để phân tích, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp điều tra viết

Nội dung bảng hỏi về thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế được xây dựng dựa trên Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường [1]; Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về đánh giá phong trào TDTT quần chúng [2]; kết hợp với phân tích một số công trình nghiên cứu liên quan [3, 5, 6]. Sau khi xây dựng bảng hỏi, chúng tôi sử dụng phương pháp chuyên gia để mời các chuyên gia góp ý, chỉnh sửa cho bảng hỏi (10 chuyên gia trong lĩnh vực GDTC và thể thao trường học gồm 01 giáo sư, 01 phó giáo sư, 07 tiến sĩ, 01 thạc sĩ). Căn cứ trên ý kiến góp ý của các chuyên gia, chúng tôi hoàn thiện bảng hỏi để tiến hành khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động TDTT cho SV tại Đại học Huế.

Mẫu khách thể khảo sát bao gồm 40 cán bộ quản lý, cán bộ phong trào TDTT ở các đơn vị và GV Khoa Giáo dục thể chất (sau đây gọi chung là CB, GV) và 459 SV Đại học Huế. Mẫu khách thể khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên và rải đều ở các đơn vị để đảm bảo tính ngẫu nhiên và mang tính đại diện.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thang đo 3 bậc (từ 1 đến 3). Căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) của các nội dung khảo sát để đưa ra nhận định. Nội dung nào có ĐTB cao thể hiện nội dung đó đang được thực hiện tốt. Khoảng phân biệt giữa các mức độ là 0,67 [theo công thức  $(\text{Max} - \text{Min})/n$ ]. Như vậy, ĐTB quy ước cho các mức độ là:

- Mức 1 (thấp nhất):  $1 \leq \text{ĐTB} < 1,67$  (chưa tốt/ không đồng ý).

- Mức 2:  $1,67 \leq \text{ĐTB} < 2,34$  (trung bình/ phân vân).

- Mức 3 (cao nhất):  $2,34 \leq \text{ĐTB} \leq 3$  (tốt/ đồng ý).

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 12/2020 đến tháng 05/2021.

## 2.2. Phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm

Thảo luận nhóm trọng tâm (Focus group discussion) [4]: chúng tôi tổ chức một cuộc thảo luận nhóm trọng tâm có 10 đại biểu tham gia gồm: đại diện Hội TTDH&CN Huế, đại diện lãnh đạo và GV Khoa Giáo dục thể chất, đại diện các đơn vị trong Đại học Huế, đại diện SV Đại học Huế. Mục đích nhằm thu thập thông tin liên quan đến việc đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, tiềm năng và những khó khăn, thách thức trong quá trình tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế trong bối cảnh hiện nay. Kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi là cơ sở xác định các vấn đề cần tìm hiểu sâu hơn và làm cơ sở thiết kế đề cương thảo luận.

Thời gian tiến hành thảo luận nhóm trọng tâm: tháng 6/2021.

## 2.3. Phương pháp phân tích ma trận SWOT

SWOT là cụm từ viết tắt của *strengths* (điểm mạnh), *weaknesses* (điểm yếu), *opportunities* (cơ hội), và *threats* (thách thức). Phương pháp phân tích ma trận SWOT được sử dụng để rà soát, đánh giá, phát triển kế hoạch, chiến lược của một đề án hay hoạt động kinh doanh. Phương pháp phân tích ma trận SWOT đánh giá các yếu tố bên trong và bên ngoài, cũng như nhận định về tiềm năng hiện tại và tương lai [9]. Trong đó, điểm mạnh và điểm yếu được xem là những “yếu tố nội bộ”, còn cơ hội và thách thức là các “yếu tố bên ngoài”, tạo nên (hoặc làm giảm) giá trị của đề án/hoạt động. Trong lĩnh vực TDTT, phương pháp phân tích ma trận SWOT thường được ứng dụng nhằm đề xuất các giải pháp [8] hoặc phân tích các yếu tố chủ quan và khách quan để tiến hành xây dựng các câu lạc bộ (CLB) TDTT [6]. Trong nghiên cứu này, việc ứng dụng ma trận SWOT sẽ giúp mang lại cái nhìn đầy đủ về điểm mạnh, điểm yếu, các tiềm năng, lợi thế, cũng như cơ hội và thách thức khi tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV trong bối cảnh hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế.

## 2.4. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng thống kê toán học, phần mềm SPSS 22.0 để xử lý số liệu, lập bảng, biểu để phân tích ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) để đưa ra kết luận của các kết quả nghiên cứu.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Thực trạng tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

#### 3.1.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch và công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

\* Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

Để đánh giá công tác lập kế hoạch tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế, chúng tôi tiến hành khảo sát CB, GV với 3 nội dung thể hiện nội hàm của công tác này được trình bày ở bảng 1.

**Bảng 1.** Đánh giá của cán bộ, giảng viên về công tác lập kế hoạch tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Kế hoạch hoạt động của Hội TTĐH&CN Huế và các Hội thể thao cơ sở được xây dựng đồng theo tháng, quý và cả năm	2,84	0,45
2	Kế hoạch hoạt động của Hội TTĐH&CN Huế và các Hội thể thao cơ sở được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn	2,53	0,56
3	Hàng năm, Hội TTĐH&CN Huế và các Hội cơ sở có kế hoạch sử dụng, cải tạo CSVC, xây dựng, mua mới trang thiết bị, dụng cụ TDTT	2,06	0,59
	<b>Trung bình chung (TBC)</b>	<b>2,48</b>	<b>0,53</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, nhìn chung CB, GV đánh giá công tác lập kế hoạch tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế được thực hiện tốt (ĐTB = 2,48, mức 3). Kết quả khảo sát SV (được trình bày ở bảng 2) cũng cho kết quả tương tự (ĐTB = 2,35, mức 3). Tuy nhiên, có 01 nội dung được SV đánh giá ở mức trung bình là “Kế hoạch hoạt động TDTTNK được xây dựng phù hợp với nhu cầu, sở thích của SV” (ĐTB = 2,19, mức 2). Đây là nội dung cần cải thiện để việc lập kế hoạch hoạt động TDTTNK được thực hiện tốt hơn.

**Bảng 2:** Đánh giá của sinh viên về công tác lập kế hoạch hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Kế hoạch hoạt động TDTTNK được xây dựng theo từng năm, từng quý, từng tháng	2,41	0,56
2	Kế hoạch hoạt động TDTTNK được xây dựng phù hợp với nhu cầu, sở thích của SV	2,19	0,78
3	Kế hoạch hoạt động TDTTNK được triển khai kịp thời đến SV qua nhiều kênh khác nhau	2,46	0,54
	<b>TBC</b>	<b>2,35</b>	<b>0,63</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

\* *Thực trạng công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế*

**Bảng 3:** Đánh giá về công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa

T T	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Ban Giám đốc Đại học Huế, lãnh đạo các đơn vị luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV; kịp thời ban hành, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Đại học Huế qua nhiều kênh khác nhau	2,38	0,60	1,95	0,62
2	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức thể dục (TD) buổi sáng, TD giữa giờ	1,00	0,00	1,00	0,00
3	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức các giờ tập theo CLB; các giờ tập theo đội tuyển thể thao của trường; các giờ tự tập luyện theo cá nhân/nhóm	2,26	0,71	2,12	0,57
4	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK dưới hình thức các giải thi đấu thể thao, các hoạt động giao lưu thể thao giữa các đơn vị	2,55	0,64	2,34	0,44
	<b>TBC</b>	<b>2,05</b>	<b>1,95</b>	<b>1,85</b>	<b>0,41</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung cả CB, GV và SV đều đánh giá công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTTNK cho SV ở mức trung bình ( $TBC_{CB, GV} = 2,05$  và  $TBC_{SV} = 1,85$ , mức 2). Trong các nội dung cụ thể, nội dung chỉ đạo, tổ chức các giải thi đấu, các hoạt động giao lưu thể thao được cả CB, GV và SV đánh giá đang thực hiện tốt ( $\text{ĐTB}_{CB, GV} = 2,55$  và  $\text{ĐTB}_{SV} = 2,34$ , mức 3). Các CB, GV cũng đánh giá lãnh đạo các cấp rất quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV ( $\text{ĐTB} = 2,38$ , mức 3), còn SV đánh giá nội dung này ở mức trung bình ( $\text{ĐTB} = 1,95$ , mức 2). Nội dung được đánh giá thấp nhất là tổ chức thực hiện TD buổi sáng, TD giữa giờ khi cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá ở mức 1 ( $\text{ĐTB} = 1,00$ ).

### 3.1.2. Thực trạng về nội dung tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa của sinh viên Đại học Huế

Nội dung tổ chức hoạt động TDTTNK của SV Đại học Huế được xác định dựa theo quy định của thông tư 48/2020/TT-BGDĐT (điều 3, điều 4, điều 5) [1]. Kết quả đánh giá về nội dung tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế được trình bày ở bảng 4.

**Bảng 4.** Đánh giá về nội dung tổ chức hoạt động tập luyện thể dục, thể thao ngoại khóa

T T	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐL C	ĐTB	ĐLC
1	Thành lập, quản lý, phát triển CLB TDTT tùy theo điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu, sở thích của SV	1,61	0,59	1,64	0,48
2	Thành lập, duy trì tập luyện thường xuyên đội tuyển từng môn thể thao làm nòng cốt cho hoạt động thể thao của nhà trường	2,11	0,68	2,13	0,56
3	Tổ chức, duy trì thường xuyên tập TD buổi sáng, TD giữa giờ	1,00	0,00	1,00	0,00
4	Tổ chức ít nhất một năm một hoạt động thi đấu thể thao cho SV, nội dung và hình thức thi đấu phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý lứa tuổi và điều kiện CSVC của nhà trường	2,45	0,44	2,34	0,65
5	Tổ chức tư vấn, định hướng SV tham gia tập luyện và thi đấu các môn thể thao nhằm tăng cường thể lực, phát triển thể chất	2,10	0,59	1,86	0,62
6	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để sưu tầm các bài tập TDTT nhằm đa dạng hoá nội dung, hình thức luyện tập	1,65	0,72	1,66	0,75
	<b>TBC</b>	<b>1,82</b>	<b>0,50</b>	<b>1,77</b>	<b>0,51</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Kết quả khảo sát cho thấy, nội dung tổ chức các giải thi đấu cho SV được đánh giá đang được thực hiện tốt ( $\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 2,55$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 2,34$ , mức 3). Hai nội dung được đánh giá ở mức trung bình là thành lập các đội tuyển thể thao và tổ chức tư vấn, định hướng cho SV tham gia tập luyện ( $\text{ĐTB}$  dao động từ 1,86 đến 2,13, mức 2). Có 03 nội dung được đánh giá chưa thực hiện tốt gồm: thành lập, quản lý các CLB ( $\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,61$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,64$ , mức 1); tổ chức tập TD buổi sáng, TD giữa giờ ( $\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,00$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,00$ , mức 1); ứng dụng CNTT để đa dạng hoá nội dung, hình thức luyện tập ( $\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,65$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,66$ , mức 1).

3.1.3. *Thực trạng về nguồn nhân lực tham gia tổ chức hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế*

Nguồn nhân lực nòng cốt tham gia tổ chức hoạt động TDTTNK là đội ngũ GV của Khoa Giáo dục thể chất và đội ngũ cán bộ phong trào TDTT tại các đơn vị [7]. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 5 và bảng 6.

**Bảng 5.** Đánh giá về đội ngũ giảng viên của Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Đội ngũ GV của Khoa GDTC có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc	2,84	0,44	2,64	0,55
2	Số lượng GV của Khoa GDTC đủ để đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu thể thao của SV Đại học Huế	2,26	0,85	2,77	0,47
3	Đội ngũ GV Khoa GDTC có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng tham gia công tác tổ chức, hướng dẫn, huấn luyện khi các đơn vị có nhu cầu	2,88	0,46	2,86	0,52
	<b>TBC</b>	<b>2,66</b>	<b>0,58</b>	<b>2,76</b>	<b>0,51</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Kết quả ở bảng 5 cho thấy, nhìn chung cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá đội ngũ GV của Khoa Giáo dục thể chất ở mức tốt cả về mặt số lượng, trình độ chuyên môn lẫn thái độ nghề nghiệp ( $\text{TBC}_{\text{CB, GV}} = 2,66$  và  $\text{TBC}_{\text{SV}} = 2,76$ ). Đây là một thế mạnh rất lớn cần được phát huy.



**Bảng 6.** Đánh giá về đội ngũ cán bộ phong trào thể dục, thể thao tại các đơn vị thuộc Đại học Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Cán bộ TDTT tại các đơn vị có đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn để làm công tác tổ chức, hỗ trợ hoặc hướng dẫn SV tập luyện TDTTNK	1,71	0,92	2,20	0,79
2	Số lượng cán bộ TDTT tại các đơn vị đủ để đáp ứng nhu cầu về công tác tổ chức, hỗ trợ hoặc tham gia hướng dẫn SV tập luyện TDTTNK	2,15	0,82	2,36	0,44
3	Các cán bộ TDTT có tinh thần trách nhiệm cao, nhiều kinh nghiệm, luôn tích cực tham gia công tác tổ chức và sẵn sàng hỗ trợ khi SV có nhu cầu	2,47	0,53	2,40	0,64
	<b>TBC</b>	<b>2,11</b>	<b>0,76</b>	<b>2,32</b>	<b>0,62</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ cán bộ phong trào TDTT tại các đơn vị có tinh thần trách nhiệm cao, nhiều kinh nghiệm ( $\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 2,47$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 2,40$ , mức 3), tuy nhiên năng lực chuyên môn về TDTT vẫn còn hạn chế ( $\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,71$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 2,20$ , mức 2).

### 3.1.4. Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

CSVC là điều kiện đảm bảo để hoạt động TDTTNK được tiến hành hiệu quả, gồm: diện tích đất dành cho hoạt động TDTT; dụng cụ, trang thiết bị, tài liệu TDTT; công trình TDTT (nhà tập, nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi...) [11, tr. 342, 343]. Kết quả đánh giá thực trạng điều kiện CSVC tại Đại học Huế được trình bày ở bảng 7.

**Bảng 7.** Đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục, thể thao của sinh viên Đại học Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Diện tích đất dành cho TDTT đáp ứng nhu cầu của SV Đại học Huế	1,69	0,83	1,60	0,57
2	Dụng cụ, trang thiết bị, tài liệu TDTT đáp ứng nhu cầu của SV	1,60	0,80	1,65	0,53
3	Số công trình TDTT đáp ứng nhu cầu tập luyện và	1,63	0,86	1,63	0,55

	thi đấu của SV				
4	CSVC phục vụ hoạt động TDTT hằng năm được đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới để đáp ứng nhu cầu của SV	1,72	0,93	1,65	0,61
	<b>TBC</b>	<b>1.66</b>	<b>0,86</b>	<b>1.63</b>	<b>0,57</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Kết quả ở bảng 7 cho thấy, nhìn chung cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá điều kiện CSVC phục vụ hoạt động TDTT trường học tại Đại học Huế ở mức chưa tốt ( $\text{ĐTB}_{\text{CB, GV}} = 1,66$  và  $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 1,63$ , mức 1). Đây là nội dung được đánh giá thấp nhất trong các nội dung đánh giá về thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế.

### 3.1.5. Thực trạng về nhận thức và mức độ thường xuyên tham gia hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa của sinh viên Đại học Huế

Chúng tôi tiến hành khảo sát để đánh giá về nhận thức và mức độ thường xuyên tham gia hoạt động TDTTNK của SV Đại học Huế. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 8.

**Bảng 8:** Thực trạng về nhận thức và mức độ thường xuyên tham gia hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa của sinh viên Đại học Huế

TT	Nội dung	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Tập luyện TDTTNK sẽ góp phần tăng cường sức khỏe, phát triển khả năng hoạt động TDTT, cải thiện tâm vóc, góp phần phòng chống bệnh tật	2,66	0,54
2	Anh/chị luôn quyết tâm khắc phục những khó khăn, cản trở để tham gia tập luyện TDTTNK thường xuyên (01 tuần ít nhất 03 buổi, 01 buổi từ 30 phút trở lên)	1,64	0,69
3	Anh/chị thường xuyên được tiếp cận với những thông tin về lợi ích của việc tập luyện TDTT, về kế hoạch tổ chức hoạt động TDTTNK qua nhiều kênh khác nhau; các thông tin được chuyển tải kịp thời, nội dung phong phú, hình thức trình bày hấp dẫn, lôi cuốn	1,65	0,86
	<b>TBC</b>	<b>1,98</b>	<b>0,70</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Theo kết quả ở bảng 8, đa số SV đồng ý với nội dung “Anh/chị tham gia tập luyện TDTTNK để tăng cường sức khỏe, phát triển khả năng hoạt động TDTT, cải thiện tâm vóc, góp phần phòng chống bệnh tật” ( $\text{ĐTB} = 2,66$ , mức 3), điều đó cho thấy đa phần SV có nhận thức đúng đắn về vai trò của việc tập luyện TDTT. Tuy nhiên nội dung “Anh/chị luôn quyết tâm khắc phục những khó khăn,

cản trở để tham gia tập luyện TDTTNK thường xuyên (01 tuần ít nhất 03 buổi, 01 buổi từ 30 phút trở lên)" SV chỉ đồng ý ở mức thấp (ĐTB = 1,64, mức 1). Như vậy mặc dù SV có nhận thức đúng về vai trò, ý nghĩa của việc tập luyện TDTT nhưng các em vẫn còn thiếu quyết tâm khắc phục những khó khăn để tham gia thường xuyên. Bên cạnh đó công tác thông tin, truyền thông cũng chưa được thực hiện tốt (ĐTB = 1,65, mức 1). Đây là vấn đề cần quan tâm để có giải pháp thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

### 3.1.6. Thực trạng về các yếu tố khác ảnh hưởng đến công tác tổ chức hoạt động TDTTNK cho sinh viên Đại học Huế

Ngoài các nội dung trên, qua phỏng vấn những người làm công tác chuyên môn và phân tích tình hình thực tiễn, chúng tôi nhận thấy có một số yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động TDTTNK của SV Đại học Huế. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 9.

**Bảng 9.** Đánh giá về các yếu tố khác ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động thể dục, thể thao cho sinh viên Đại học Huế

TT	Nội dung	CB, GV		SV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thời tiết khắc nghiệt cản trở SV tham gia tập luyện TDTT thường xuyên	2,08	0,67	2,14	0,55
2	Dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động TDTTNK của SV	3,00	0,00	2,94	0,12
3	Thời gian học và tham gia các hoạt động ở trường làm ảnh hưởng đến thời gian tham gia hoạt động TDTTNK của SV	1,93	0,54	2,22	0,49
4	Điều kiện kinh tế khó khăn là một trong những nguyên nhân chính cản trở SV tham gia tập luyện các môn thể thao yêu thích	2,20	0,69	2,32	0,45
	<b>TBC</b>	<b>2,30</b>	<b>1,90</b>	<b>2,41</b>	<b>0,40</b>

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$

Kết quả khảo sát cho thấy trong các yếu tố trên thì dịch Covid-19 là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động TDTTNK, ý kiến này được cả CB, GV lẫn SV tán thành ở mức cao (ĐTB<sub>CB, GV</sub> = 3,00 và ĐTB<sub>SV</sub> = 2,96, mức 3). Các yếu tố còn lại đều được CB, GV và SV đánh giá có tác động ở mức trung bình ( $1,93 < \text{ĐTB} < 2,32$ ).

### 3.1.7. Đánh giá chung về thực trạng tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế

Dựa trên các kết quả khảo sát thực trạng đã trình bày ở trên và kết quả thảo luận nhóm trọng tâm, chúng tôi xây dựng mô hình SWOT để phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến việc tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế, nội dung cụ thể được trình

bày tại bảng 10.

**Bảng 10.** Ma trận SWOT về tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

<b>ĐIỂM MẠNH</b>	<b>ĐIỂM YẾU</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- S1: Lãnh đạo Đại học Huế, lãnh đạo các đơn vị luôn quan tâm, tạo điều kiện để tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV.</li> <li>- S2: Cơ cấu nhân sự trong Ban chấp hành Hội TTDH&amp;CN Huế hợp lí, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức thực hiện</li> <li>- S3: Điều kiện CSVC của Khoa Giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu để tổ chức một số CLB TDTT và tổ chức các giải thi đấu thể thao cho SV Đại học Huế.</li> <li>- S4: Đội ngũ GV của Khoa Giáo dục thể chất có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV. Đội ngũ cán bộ phong trào TDTT ở trường có nhiều kinh nghiệm tổ chức hoạt động và có tinh thần trách nhiệm cao.</li> <li>- S5: SV có nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của hoạt động TDTTNK.</li> <li>- S6: Đảng ủy, Ban giám đốc Đại học Huế đã chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực công tác. Cơ quan Đại học Huế và các trường có đội ngũ cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về CNTT, truyền thông tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền, quảng bá, triển khai các hoạt động qua mạng internet. Nguồn tư liệu số trên mạng internet liên quan đến hoạt động TDTT phong phú, đa dạng và có giá trị sử dụng cao. Khoa Giáo dục thể chất cũng bước đầu xây dựng các học liệu số để phục vụ công tác giảng dạy, huấn luyện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- W1: Điều kiện CSVC phục vụ hoạt động TDTT của nhiều trường còn rất hạn chế, thậm chí một số trường không có CSVC phục vụ hoạt động TDTT của SV.</li> <li>- W2: Các đơn vị chưa có cán bộ chuyên trách về lĩnh vực TDTT, cán bộ kiêm nhiệm còn thiếu năng lực chuyên môn để tổ chức tốt hoạt động TDTTNK cho SV.</li> <li>- W3: Các trường chưa có CLB TDTT, hoặc có nhưng chưa được tổ chức một cách chính quy.</li> <li>- W4: Việc ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức, hướng dẫn tập luyện TDTTNK chưa được quan tâm. Công tác truyền thông về các hoạt động TDTT chưa được đầu tư đúng mức, nội dung, hình thức chưa hấp dẫn, đa dạng để có thể lôi cuốn được nhiều SV tham gia.</li> <li>- W5: Nội dung, hình thức tổ chức tập luyện, thi đấu TDTT chưa đa dạng, hấp dẫn để đáp ứng nhu cầu của SV. Nội dung TD buổi sáng, TD giữa giờ chưa được thực hiện.</li> <li>- W6: Thời gian học tập, tham gia các hoạt động tại trường nhiều và một bộ phận SV có đi làm thêm khiến thời gian tham gia hoạt động TDTTNK ít. SV còn thiếu quyết tâm để khắc phục những khó khăn, cản trở để tham gia tập luyện TDTT thường xuyên.</li> <li>- W7: Một bộ phận SV có điều kiện kinh tế</li> </ul>

<p>S7: Một số trường đã chú trọng bồi dưỡng, tăng cường nguồn nhân lực phục vụ hoạt động TDTT tại đơn vị khi thực hiện tuyển dụng những viên chức, hợp đồng lao động có chuyên môn TDTT làm hạt nhân phát triển phong trào. Cách làm này đã bước đầu đạt được những kết quả tích cực.</p> <p>- S8: Ban giám đốc Đại học Huế đã có kế hoạch cho SV tập trung học tập trở lại từ tháng 2/2022</p>	<p>khó khăn, không đủ khả năng tham gia các hoạt động TDTT có mức phí tương đối cao.</p> <p>- W8: Hội TTĐH&amp;CN Huế và các Hội cơ sở hoạt động bằng ngân sách nhà nước nên kinh phí tổ chức hoạt động rất hạn chế.</p>
<b>CƠ HỘI</b>	<b>THÁCH THỨC</b>
<p>- O1: Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác GDTC và hoạt động TDTT trường học.</p> <p>- O2: Một số công trình TDTT trong Đại học Huế như các sân bóng đá, sân quần vợt... mặc dù cho doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng, quản lí và khai thác nhưng vẫn sẵn sàng hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động TDTT cho SV.</p> <p>- O3: Các doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư vào Đại học Huế để khai thác các dịch vụ TDTT. Trên địa bàn thành phố Huế có nhiều công trình TDTT, cơ sở kinh doanh hoạt động TDTT có thể đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu của SV.</p> <p>- O4: Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, phong trào tập luyện TDTT tại nhà (như tập gym, fitness, yoga, ...) và tập các môn thể thao cá nhân như đạp xe đạp, đi bộ, chạy bộ phát triển khá mạnh.</p>	<p>- T1: Dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến việc tổ chức các hoạt động TDTT.</p> <p>- T2: Các dịch vụ giải trí phát triển đa dạng khiến SV dễ bị lôi kéo, tiêu phí thời gian vào các hoạt động thiếu lành mạnh (chơi game, lướt web, nhậu nhẹt, la cà quán cà phê...).</p> <p>- T3: Điều kiện thời tiết khắc nghiệt của địa phương (nắng nóng, mưa nhiều) ảnh hưởng nhiều đến hoạt động TDTT ngoài khóa.</p>

### 3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế

Từ kết quả khảo sát thực trạng và kết quả phân tích ma trận SWOT về tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế, chúng tôi đề xuất các giải pháp sau nhằm phát huy các điểm mạnh hiện có, khắc phục những điểm yếu đang tồn tại, cũng như tận dụng các cơ hội và tránh

được những ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế:

### 3.2.1. Giải pháp về công tác thông tin, tuyên truyền

+ Ứng dụng CNTT trong việc quảng bá, truyền thông về công tác tổ chức các hoạt động TDTTNK cũng như tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của hoạt động TDTT để vận động SV tham gia tập luyện TDTTNK.

+ Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội SV để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của SV, thu hút đông đảo SV tham gia tập luyện TDTT một cách thường xuyên.

### 3.2.2. Giải pháp về nguồn nhân lực tham gia tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa

+ Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phong trào TDTT tại các đơn vị.

+ Các trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng những người có chuyên môn về lĩnh vực TDTT để vừa làm công việc của đơn vị (ở những vị trí việc làm như cán bộ chuyên trách công tác Đảng-Đoàn thể, bộ phận công tác sinh viên, bộ phận hành chính-tổng hợp, bảo vệ...), vừa có thể phụ trách, hỗ trợ phong trào TDTT cũng như tổ chức, quản lí, điều hành các CLB TDTT tại đơn vị.

### 3.2.3. Giải pháp về cơ chế chính sách

Tìm hiểu các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước; các thông tư, quyết định của chính phủ và các Bộ - Ngành liên quan về công tác GDTC và thể thao trường học. Từ đó có cơ sở tham mưu cho Ban giám đốc Đại học Huế, lãnh đạo các đơn vị ban hành các văn bản về chế độ chính sách cho cán bộ Hội TTĐH&CN Huế, cán bộ phong trào TDTT tại các đơn vị, GV Khoa Giáo dục thể chất khi tham gia tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa, đảm bảo công bằng về chế độ bồi dưỡng, phụ cấp, quy đổi giờ hoạt động chuyên môn... Có chế độ khen thưởng, động viên hợp lí những SV có thành tích xuất sắc trong hoạt động TDTT.

### 3.2.4. Giải pháp về nội dung, hình thức tổ chức hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa

+ Tận dụng tối đa các nguồn lực trong và ngoài Đại học Huế triển khai đa dạng các nội dung hoạt động TDTTNK, xây dựng các CLB TDTT. Khai thác nguồn nhân lực và điều kiện CSVC hiện có tại Khoa Giáo dục thể chất để thành lập các CLB: bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, võ thuật, bóng rổ, đá cầu, cờ vua-cờ tướng, yoga, khiêu vũ thể thao.

+ Hội TTĐH&CN Huế phối hợp với các Hội cơ sở và các doanh nghiệp tư nhân đang khai thác dịch vụ TDTT tại Đại học Nông lâm (khu vực Bắc sông Hương); Đại học Luật, Đại học

Ngoại ngữ, Đại học Khoa học, Đại học Sư phạm, Đại học Y dược (khu vực Nam sông Hương) để thành lập các CLB: bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, võ thuật cho SV tham gia tập luyện.

+ Thành lập và duy trì thường xuyên các đội tuyển thể thao ở từng đơn vị. Đối với những đơn vị chưa có điều kiện sân bãi, chưa đủ nguồn nhân lực thì phối hợp với Khoa Giáo dục thể chất và liên kết với các đơn vị kinh doanh TDTT bên ngoài để thực hiện. Hội TTĐH&CN Huế, các Hội cơ sở tổ chức các giải thi đấu thể thao, tổ chức hoạt động giao lưu thi đấu thể thao các đơn vị một cách thường xuyên, liên tục và đa dạng các môn thể thao để đáp ứng sở thích, nhu cầu của SV.

+ Ứng dụng các phần mềm, thiết bị công nghệ để hướng dẫn SV tập luyện trực tuyến và tự tập luyện tại nhà (tổ chức SV tập luyện theo cá nhân, nhóm, lớp, ngành học hay CLB). Xây dựng chương trình tập luyện, hệ thống các bài tập, biên soạn tài liệu dưới dạng video, hình ảnh, infographic... để hướng dẫn SV tập luyện (đẩy mạnh bồi dưỡng nâng cao khả năng ứng dụng CNTT của đội ngũ GV Khoa Giáo dục thể chất, kết hợp khai thác thế mạnh hiện có về nguồn nhân lực CNTT ở Viện Đào tạo mở và CNTT, cũng như các cán bộ có chuyên môn về CNTT ở các đơn vị).

+ Tổ chức các môn thể thao trong nhà (bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, võ thuật, đá cầu, cờ vua-cờ tướng, yoga, khiêu vũ thể thao, gym...) để SV có thể tham gia tập luyện quanh năm; tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu vào các khung giờ phù hợp (thứ 7, chủ nhật, sáng sớm, chiều tối...) để SV thuận tiện khi tham gia. Chú trọng phát triển các môn thể thao không yêu cầu nhiều về CSVC như võ thuật, chạy bộ, yoga, khiêu vũ thể thao, đạp xe đạp...

### 3.2.5. Giải pháp về xã hội hóa **thể dục, thể thao** để tăng cường cơ sở vật chất và kinh phí tổ chức hoạt động **thể dục, thể thao ngoại khóa**

+ Phối hợp với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bên ngoài Đại học Huế theo phương châm hợp tác đôi bên cùng có lợi để thu hút các nguồn lực nhằm xây dựng, cải tạo CSVC phục vụ hoạt động TDTT tại Đại học Huế. Kêu gọi vốn đầu tư bên ngoài để xây dựng mới, cải tạo các công trình TDTT nhằm đáp ứng nhu cầu của SV về một số môn thể thao trước đây chưa thực hiện được như bơi lội, gym/fitness, tennis...

+ Phối hợp, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp đang khai thác dịch vụ TDTT tại các đơn vị để tận dụng tối đa điều kiện CSVC hiện có nhằm phục vụ hoạt động TDTT của SV.

+ Những đơn vị còn hạn chế về điều kiện CSVC, trang thiết bị tập luyện có thể liên kết, hợp tác với Khoa Giáo dục thể chất và các đơn vị kinh doanh TDTT bên ngoài để thuê, mượn CSVC nhằm triển khai đa dạng các hoạt động TDTT cho SV tham gia tập luyện. Chú trọng phát triển các môn thể thao không yêu cầu nhiều sân bãi, trang thiết bị tập luyện như võ thuật, chạy bộ, yoga, khiêu vũ thể thao, đạp xe đạp...

+ Vận động, phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ TDTT để xây dựng cơ chế tài chính ưu đãi cho SV Đại học Huế khi sử dụng các dịch vụ TDTT có thu phí. Kêu gọi tài trợ để tăng thêm kinh phí tổ chức hoạt động của Hội TTĐH&CN các cấp.

#### 4. Kết luận

Công tác tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế trong giai đoạn hiện nay mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; nhưng với sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, với nguồn nhân lực TDTT có chất lượng cao, với nhận thức đúng đắn của SV và các tổ chức, doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư để khai thác các dịch vụ TDTT tại Đại học Huế, việc tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế có nhiều cơ hội để thực hiện tốt hơn trong thời gian tới. Nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV Đại học Huế trong bối cảnh hiện nay, từ kết quả phân tích ma trận SWOT, chúng tôi đề xuất các giải pháp sau: Tăng cường công tác truyền thông, vận động SV tham gia hoạt động TDTTNK thường xuyên; Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, có kế hoạch tuyển dụng hợp lí để tăng cường nguồn nhân lực TDTT; Xây dựng chế độ chính sách phù hợp cho CB, GV, SV khi tham gia hoạt động TDTTNK; Đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức hoạt động TDTTNK cho SV; Đẩy mạnh công tác xã hội hóa TDTT để tăng cường CSVC, kêu gọi tài trợ để tăng kinh phí hoạt động, phối hợp với các doanh nghiệp để xây dựng cơ chế tài chính ưu đãi cho SV Đại học Huế khi sử dụng các dịch vụ TDTT.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020.*
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2019), *Thông tư số: 01/2019/TT-BVHTTDL quy định về đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng ban hành ngày 17 tháng 01 năm 2019.*
3. Phùng Xuân Dũng (2017), *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể Dục Thể Thao Hà Nội*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
4. Finch H., Lewis J. (2003). *Focus groups*. In: Ritchie J, Lewis J, eds. Truy cập ngày 21 tháng 3 năm 2021 từ <[https://mthoyibi.files.wordpress.com/2011/10/qualitative-research-practice\\_a-guide-for-social-science-students-and-researchers\\_jane-ritchie-and-jane-lewis-eds\\_20031.pdf](https://mthoyibi.files.wordpress.com/2011/10/qualitative-research-practice_a-guide-for-social-science-students-and-researchers_jane-ritchie-and-jane-lewis-eds_20031.pdf)>



5. Nguyễn Gắng (2016), *Nghiên cứu xây dựng mô hình CLB TDTT liên kết giữa Đại học Huế và các tổ chức TDTT trên địa bàn thành phố Huế*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội
6. Lê Thanh Hà (2018), *Nghiên cứu mô hình câu lạc bộ câu lông trong một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, Bắc Ninh.
7. Hội TTDH&CN Huế (2019), *Báo cáo số 30/BC-HTT ngày 24 tháng 3 năm 2019 về Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ 2012-2017, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2017-2022*.
8. Võ Đình Hợp (2021), *Nghiên cứu nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong Đại học Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội
9. Kenton, W. (2019), *SWOT Analysis Definition*. Truy cập ngày 8 tháng 10 năm 2020 từ <<https://www.investopedia.com/terms/s/swot.asp>>.
10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật thể dục thể thao ngày 29 tháng 6 năm 2018*.
11. Đông Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2006), *Lí luận giáo dục thể chất trong trường học*, Nxb Thể Dục Thể Thao, Hà Nội.